

Số: 807 /QĐ-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 11 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đã hiệu chỉnh, cải tiến năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (gọi tắt là Hệ thống quản lý chất lượng) vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND quận Bắc Từ Liêm về việc duy trì áp dụng, cải tiến, công bố lại và số hóa Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND Quận và UBND các phường năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND-UBND Quận tại Tờ trình số: 56./TTr-VP ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng HĐND-UBND Quận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành và áp dụng tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đã hiệu chỉnh, cải tiến năm 2023 vào các hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính tại UBND quận Bắc Từ Liêm (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO, các phòng chuyên môn, CBCC có trách nhiệm tiếp cận, nghiên cứu, bám sát và tuân thủ áp dụng vào thực tiễn công việc, đảm bảo hiệu quả, hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND - UBND Quận, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Quận và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở KHCN; Sở Nội vụ;
- Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng;
- Lãnh đạo UBND Quận;
- Ban chỉ đạo ISO UBND Quận;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Hà

DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu	Mã số	Lần ban hành				
			1	2	3	4	5
I. THỦ TỤC THEO MÔ HÌNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG							
1.	Chính sách chất lượng	CSCL		X			
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL					X
3.	Bản mô tả mô hình HTQLCL	BMT					X
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	QT-01					X
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02					X
6.	Quy trình đánh giá nội bộ	QT-03					X
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04					X
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05					X
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng	QT-06					X
II. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo							
10.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT-01/GD	X				
11.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT-02/GD	X				
12.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT-03/GD	X				
13.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT-04/GD	X				

14.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập)	QT-05/GD	X				
15.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT-06/GD	X				
16.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT-07/GD	X				
17.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT-08/GD	X				
18.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT-09/GD	X				
19.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT-10/GD	X				
20.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT-11/GD	X				
21.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-12/GD	X				
22.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT-13/GD	X				
23.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT-14/GD	X				
24.	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT-15/GD	X				
25.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT-16/GD	X				
26.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-17/GD	X				
27.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT-18/GD	X				
28.	Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-19/GD	X				
29.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT-20/GD	X				

30.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT-21/GD	X				
31.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT-22/GD	X				
32.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT-23/GD	X				
33.	Quy trình đánh giá xếp loại "Cộng đồng hoạt động" cấp xã	QT-24/GD	X				
34.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-25/GD			X		
35.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT-26/GD			X		
36.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn khu công nghiệp	QT-27/GD			X		
37.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT-28/GD	X				
38.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT-29/GD	X				
39.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT-30/GD	X				

2. Lĩnh vực Kinh tế

40.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QT-01/KT	X				
41.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-02/KT	X				
42.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT-03/KT	X				
43.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu	QT-04/KT	X				

44.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu.	QT-05/KT	X				
45.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu.	QT-06/KT	X				
46.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT-07/KT	X				
47.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT-08/KT	X				
48.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT-09/KT	X				
49.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá sữa thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	QT-10/KT	X				
50.	Tiếp nhận Bản tự công bố sản phẩm trong sản xuất	QT-11/KT	X				
51.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	QT-12/KT	X				
52.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT-13/KT				X	
53.	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận)	QT-14/KT	X				
54.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-15/KT	X				
55.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-16/KT	X				
56.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT-17/KT	X				

3. Lĩnh vực Văn hóa Thông tin

57.	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke	QT-01/VHTT						X
58.	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	QT-02/VHTT					X	
59.	Đăng ký tổ chức lễ hội	QT-03/VHTT						X
60.	Thông báo tổ chức lễ hội	QT-04/VHTT						X
61.	Xét tặng danh hiệu “Khu dân cư văn hóa hàng năm”	QT-05/VHTT						X
62.	Xét tặng giấy khen “Khu dân cư văn hóa”	QT-06/VHTT						X
63.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-07/VHTT						X
64.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-08/VHTT						X
65.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	QT-09/VHTT						X
66.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-10/VHTT						X
67.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-11/VHTT						X
68.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	QT-12/VHTT						X
69.	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-13/VHTT				X		
70.	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-14/VHTT				X		

71.	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT-15/VHTT			X		
72.	Cấp giấy phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động	QT-16/VHTT					X
73.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-17/VHTT					X
74.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-18/VHTT					X
75.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-19/VHTT					X
76.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT-20/VHTT					X
77.	Cấp giấy phép hoạt động in	QT-21/VHTT	X				
78.	Cấp lại giấy phép hoạt động in	QT-22/VHTT	X				
79.	Xác nhận Đăng ký hoạt động cơ sở In	QT-23/VHTT	X				
80.	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở In	QT-24/VHTT	X				
81.	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	QT-25/VHTT	X				
82.	Cấp giấy đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	QT-26/VHTT	X				
83.	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	QT-27/VHTT	X				
84.	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	QT-28/VHTT	X				
85.	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	QT-29/VHTT	X				
86.	Cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	QT-30/VHTT	X				

87.	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	QT-31/VHTT	X					
88.	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	QT-32/VHTT	X					
89.	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	QT-33/VHTT	X					
4. Lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội								
90.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia giúp Lào và Căm-pu-chi-a theo Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg	QT-01/LĐ						X
91.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-02/LĐ						X
92.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	QT-03/LĐ						X
93.	Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-04/LĐ						X
94.	Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-05/LĐ						X
95.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng LĐTB&XH	QT-06/LĐ						X
96.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng LĐTB&XH	QT-07/LĐ						X
97.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng LĐTB&XH cấp	QT-08/LĐ						X

98.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-09/LĐ						X
99.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT-10/LĐ						X
100.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội	QT-11/LĐ						X
101.	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-12/LĐ						X
102.	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị Xã, thành phố thuộc tỉnh	QT-13/LĐ						X
103.	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT-14/LĐ						X
104.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	QT-15/LĐ						X
105.	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT-16/LĐ						X
106.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Cựu chiến binh	QT-17/LĐ				X		
107.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT-18/LĐ				X		
108.	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh theo điểm 1, khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14	QT-19/LĐ			X			
109.	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	QT-20/LĐ			X			
110.	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-21/LĐ			X			
111.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ	QT-22/LĐ			X			
112.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-23/LĐ			X			

113.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-24/LĐ		X				
114.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-25/LĐ		X				
115.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình	QT-26/LĐ		X				
116.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-27/LĐ		X				
117.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-28/LĐ		X				
118.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đầy	QT-29/LĐ		X				
119.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-30/LĐ		X				
120.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-31/LĐ		X				
121.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-32/LĐ		X				
122.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-33/LĐ		X				
123.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-34/LĐ		X				
124.	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT-35/LĐ		X				
125.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-36/LĐ	X					
126.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-37/LĐ	X					
127.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT-38/LĐ	X					

5. Lĩnh vực Nội vụ

128.	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	QT-01/NV	X				
129.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều phường thuộc một quận	QT-02/NV	X				
130.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều phường thuộc một quận	QT-03/NV	X				
131.	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một quận	QT-04/NV	X				
132.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một quận	QT-05/NV	X				
133.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một quận	QT-06/NV	X				
134.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một quận	QT-07/NV	X				
135.	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một phường nhưng trong địa bàn một quận, thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT-08/NV	X				
136.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp quận về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT-09/NV	X				
137.	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	QT-10/NV	X				
138.	Tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở	QT-11/NV	X				
139.	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	QT-12/NV	X				

140.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT-13/NV	X					
141.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về thành tích đợt xuất	QT-14/NV	X					
142.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận về khen thưởng đối ngoại	QT-15/NV	X					
143.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND Quận dành cho gia đình	QT-16/NV	X					
144.	Thành lập hội	QT-17/NV	X					
145.	Phê duyệt điều lệ hội	QT-18/NV	X					
146.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT-19/NV	X					
147.	Đổi tên hội	QT-20/NV	X					
148.	Hội tự giải thể	QT-21/NV	X					
149.	Công nhận Ban vận động thành lập hội	QT-22/NV	X					
150.	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT-23/NV	X					
151.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-24/NV	X					
152.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-25/NV	X					
153.	Công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	QT-26/NV	X					
154.	Thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	QT-27/NV	X					
155.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT-28/NV	X					
156.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	QT-29/NV	X					
157.	Hợp nhất, sáp nhập, chia tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	QT-30/NV	X					
158.	Đổi tên quỹ	QT-31/NV	X					

159.	Tự giải thể quỹ	QT-32/NV	X				
160.	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT-33/NV				X	
161.	Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT-34/NV				X	
162.	Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT-35/NV				X	
163.	Thanh toán chi phí có liên quan tới việc xử lý tài sản công	QT-36/NV	X				
164.	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT-37/NV	X				
165.	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT-38/NV	X				
166.	Thi tuyển viên chức	QT-39/NV	X				
167.	Xét tuyển viên chức	QT-40/NV	X				
168.	Tiếp nhận vào làm viên chức	QT-41/NV	X				

6. Lĩnh vực Tài chính Kế hoạch

169.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT-01/HKD					X
170.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT-02/HKD					X
171.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT-03/HKD					X
172.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT-04/HKD					X
173.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT-05/HKD					X
174.	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	QT-06/HTX					X
175.	Đăng ký thành lập chi nhánh, VP đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã	QT-07/HTX					X
176.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	QT-08/HTX					X
177.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Hợp tác xã	QT-09/HTX					X
178.	Đăng ký hợp tác xã chia	QT-10/HTX					X

179.	Đăng ký hợp tác xã tách	QT-11/HTX						X
180.	Đăng ký hợp tác xã hợp nhất	QT-12/HTX						X
181.	Đăng ký hợp tác xã sáp nhập	QT-13/HTX						X
182.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Trường hợp bị hỏng)	QT-14/HTX						X
183.	Giải thể tự nguyện HTX	QT-15/HTX						X
184.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX	QT-16/HTX						X
185.	Tạm ngừng hoạt động của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh HTX	QT-17/HTX						X
186.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	QT-18/HTX						X
187.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký HTX	QT-19/HTX						X
188.	Thay đổi cơ quan đăng ký HTX	QT-20/HTX						X
189.	Kê khai giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi UBND Quận	QT-21/LVG		X				
190.	Đăng ký giá của các doanh nghiệp thuộc phạm vi UBND Quận	QT-22/LVG		X				
191.	Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	QT - 23/QLCS	X					
192.	Chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp không thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	QT - 24/QLCS	X					
193.	Thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho nhà nước	QT - 25/QLCS	X					

194.	Thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 1 điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	QT - 26/QLCS	X					
195.	Điều chuyển tài sản công	QT - 27/QLCS	X					
196.	Bán tài sản	QT - 28/QLCS	X					
197.	Bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	QT - 29/QLCS	X					
198.	Hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	QT - 30/QLCS	X					
199.	Thanh lý tài sản	QT - 31/QLCS	X					
200.	Tiêu hủy tài sản	QT - 32/QLCS	X					
201.	Xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại	QT - 33/QLCS	X					
202.	Hoá đơn bán lẻ	QT - 34/QLCS	X					
203.	Mua quyền hoá đơn	QT - 35/QLCS	X					
204.	Thanh toán chi phí có liên quan tới việc xử lý tài sản công	QT - 36/QLCS	X					
7. Lĩnh vực Tư pháp								
205.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-01/TP	X					
206.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-02/TP	X					
207.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-03/TP	X					
208.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-04/TP	X					
209.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-05/TP	X					
210.	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-06/TP	X					
211.	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-07/TP	X					

212.	Thay đổi hộ tịch, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-08/TP	X						
213.	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	QT-09/TP	X						
214.	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-10/TP	X						
215.	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-11/TP	X						
216.	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-12/TP	X						
217.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-13/TP	X						
218.	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-14/TP	X						
219.	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-15/TP	X						
220.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-16/TP	X						
221.	Xác nhận thông tin hộ tịch	QT-17/TP	X						
222.	Ghi vào sổ hộ tịch việc nuôi con nuôi của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-18/TP	X						
223.	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-19/TP	X						
224.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-20/TP	X						
225.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-21/TP	X						
226.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-22/TP	X						
227.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-23/TP	X						

228.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-24/TP	X				
229.	Cập bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-25/TP	X				
230.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	QT-26/TP	X				
231.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT-27/TP	X				
232.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-28/TP	X				
233.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-29/TP	X				
234.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-30/TP	X				
235.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-31/TP	X				
236.	Phục hồi danh dự	QT-32/TP	X				
237.	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-33/TP	X				

8. Lĩnh vực Quản lý đô thị

238.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-01/QLĐT		X			
239.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-02/QLĐT		X			

240.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-03/QLĐT	X				
241.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-04/QLĐT	X				
242.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-05/QLĐT	X				
243.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT-06/QLĐT	X				
244.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-07/QLĐT	X				
245.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-08/QLĐT	X				
9. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường							
246.	Cấp Giấy phép môi trường	QT-01/TNMT	X				
247.	Cấp lại Giấy phép môi trường	QT-02/TNMT	X				

248.	Cấp đổi Giấy phép môi trường	QT-03/TNMT	X				
249.	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	QT-04/TNMT	X				
250.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT-05/TNMT					X
251.	Lấy ý kiến của UBND cấp xã đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT-06/TNMT					X
252.	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu	QT-07/TNMT					X
253.	Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu bản đồ	QT-08/TNMT		X			
10. Lĩnh vực Y tế							
254.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, cơ sở dịch vụ ăn uống	QT-01/YT	X				
11. Lĩnh vực Thanh tra							
255.	Tiếp công dân	QT-01/TT					X
256.	Xử lý đơn thư	QT-02/TT					X
257.	Giải quyết khiếu nại lần đầu	QT-03/TT					X
258.	Giải quyết khiếu nại lần hai	QT-04/TT					X
259.	Giải quyết tố cáo	QT-05/TT					X
III. QUY TRÌNH NỘI BỘ							
1. Lĩnh vực Kinh tế (Nông nghiệp)							
260.	Tiếp nhận và xác nhận hồ sơ quyết toán thủy lợi phí cho các xí nghiệp thủy lợi trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm	QT-01/KT.NB	X				
261.	Quản lý văn bản đi, văn bản đến	QT-02/KT.NB	X				
262.	Đánh giá, xếp loại CBCC hàng tháng	QT-03/KT.NB	X				
263.	Khen thưởng, kỷ luật	QT-04/KT.NB	X				

2. Lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch							
264.	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tại UBND quận	QT-01/TP.NB					X
265.	Xử lý văn bản đi của phòng Tư pháp	QT-02/TP.NB	X				
3. Lĩnh vực Y tế							
266.	Tiếp nhận hồ sơ và ký cam kết đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	QT-01/YT.NB			X		
267.	Đánh giá, xếp loại CBCC hàng tháng	QT-02/YT.NB	X				
268.	Khen thưởng, kỷ luật	QT-03/YT.NB	X				
269.	Xử lý văn bản đến và văn bản đi	QT-04/YT.NB	X				
4. Lĩnh vực Tài Chính – Kế hoạch							
270.	Rà soát dự toán thu, chi ngân sách nhà nước	QT - 01/TCKH	X				
271.	Thẩm định Báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ	QT - 02/TCKH	X				
272.	Thẩm tra, phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	QT - 03/TCKH	X				
273.	Định giá tài sản trong tố tụng hình sự	QT - 04/TCKH	X				
274.	Xác định giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với thửa đất có giá trị theo quy định tại Bảng giá đất dưới 30 tỷ đồng	QT - 05/TCKH	X				
275.	Tiếp nhận văn bản đi, văn bản đến	QT - 06/TCKH	X				
276.	Tổ chức đánh giá cán bộ, công chức hàng tháng	QT - 07/TCKH	X				
277.	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành	QT - 08/TCKH	X				

278.	Thẩm tra phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	QT - 09/TCKH	X				
279.	Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm	QT - 10/TCKH	X				
5. Lĩnh vực Nội vụ							
280.	Quy trình nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng phụ cấp thâm niên nghề nghiệp đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của các đơn vị sự nghiệp thuộc Quận.	QT- 01/NV.NB	X				
281.	Quy trình xử lý văn bản đến và văn bản đi.	QT- 02/NV.NB	X				
282.	Quy trình xếp phụ cấp thâm niên đối với cán bộ Ban chỉ huy Quân sự các phường.	QT- 03/NV.NB	X				
283.	Quy trình Thanh toán và xử lý chứng từ kế toán nội bộ	QT- 04/NV.NB	X				
284.	Quy trình đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Quận	QT- 05/NV.NB	X				
285.	Quy trình kỷ luật cán bộ công chức	QT- 06/NV.NB	X				
286.	Quy trình xếp lương và phụ cấp chức vụ đối với cán bộ phường.	QT- 07/NV.NB	X				
287.	Quy trình giải quyết công việc tiếp nhận và điều động công chức, viên chức về công tác tại Quận	QT- 08/NV.NB	X				
288.	Quy trình giải quyết công việc điều động công chức, viên chức trong các đơn vị thuộc Quận	QT- 09/NV.NB	X				
289.	Quy trình Đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Quận và UBND các phường thực hiện tại Phòng Nội vụ	QT- 10/NV.NB	X				